Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3604.90.50

Mã HS	3604.90.50
Mô tả hàng hóa	Pháo hoa, pháo hiệu, pháo mưa, pháo hiệu sương mù và các sản phẩm pháo khác / - Loại khác: / - - Pháo thăng thiên (SEN)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 06:38:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/36049050/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5190
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5190
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5190
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ATIGA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AC!E5068
ATIGA	2022	2022	*	AT!E5029
ATIGA	2023	2023	*	AT!F5029
ATIGA	2024	2024	*	AT!G5029
ATIGA	2025	2025	*	AT!H5029
ATIGA	2026	2026	*	AT!I5029
ATIGA	2027	2027	*	AT!J5029
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E5073
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F5073

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G5073
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H5073
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I5073
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J5073
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E5071
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F5071
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G5071
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H5071
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I5071
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J5071
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F5071
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H5035
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F5031
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G5031
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H5031
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I5031
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J5031
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K5031
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5040
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5040
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5040
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5040
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5040
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5040
VCFTA	2022	2022	*	VC!D5078
VCFTA	2023	2023	*	VC!E5078

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	*	VC!F5078
VCFTA	2025	2025	*	VC!G5078
VCFTA	2026	2026	*	VC!H5078
VCFTA	2027	2027	*	VC!I5078
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5075
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5075
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5075
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5075
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5075
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5075
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D5083
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E5083
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F5083
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G5083
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H5083
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I5083
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5054
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5054
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5054
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5054
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5054
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5054
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5056
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5056
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5056
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5056

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5056
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5056
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5054
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5054
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5054
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5054
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5054
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5054
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5054
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5075
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5075
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5075
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5075
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5075
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5075
RCEP B	2022	2022	0	B!D5075
RCEP B	2023	2023	0	B!E5075
RCEP B	2024	2024	0	B!F5075
RCEP B	2025	2025	0	B!G5075
RCEP B	2026	2026	0	B!H5075
RCEP B	2027	2027	0	B!I5075
RCEP C	2022	2022	0	C!D5075
RCEP C	2023	2023	0	C!E5075
RCEP C	2024	2024	0	C!F5075
RCEP C	2025	2025	0	C!G5075
RCEP C	2026	2026	0	C!H5075

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5075
RCEP D	2022	2022	0	D!D5075
RCEP D	2023	2023	0	D!E5075
RCEP D	2024	2024	0	D!F5075
RCEP D	2025	2025	0	D!G5075
RCEP D	2026	2026	0	D!H5075
RCEP D	2027	2027	0	D!I5075
RCEP E	2022	2022	0	E!D5078
RCEP E	2023	2023	0	E!E5078
RCEP E	2024	2024	0	E!F5078
RCEP E	2025	2025	0	E!G5078
RCEP E	2026	2026	0	E!H5078
RCEP E	2027	2027	0	E!I5078
RCEP F	2022	2022	0	F!D5075
RCEP F	2023	2023	0	F!E5075
RCEP F	2024	2024	0	F!F5075
RCEP F	2025	2025	0	F!G5075
RCEP F	2026	2026	0	F!H5075
RCEP F	2027	2027	0	F!I5075
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4675
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4675
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4675
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4675

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3604.90 có 4 dòng thuế; dòng 3604.90.50 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Pháo thăng thiên (SEN).	3604.90.20 Pháo hoa nhỏ và kíp nổ dùng làm đồ chơi; 3604.90.40 Pháo hiệu (SEN); 3604.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3604.90.50 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3604.90.50	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3604.90.50. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3604.90.50 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5190), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.